

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 09 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Đông Phong và bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36d/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn C, xã Li, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn C, xã Li, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày đề ngày 28/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do không thể chung sống được, nên anh và chị N sống ly thân từ tháng 09/2020 đến nay, thời gian ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: anh và chị Ncó ba con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/05/1991; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 06/02/1998 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 14/12/2011. Các cháu Đ và Đ1 đều đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị Ncấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 09/04/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là nhiều người kê lại và anh Đ cũng thừa nhận ngủ với nhiều người, mỗi lần chị nhắc nhở, khuyên ngăn thì bị anh Đ đánh đập và đuổi khỏi nhà. Nay anh Đ làm đơn ly hôn, chị xác định hai bên không còn tình cảm nữa, nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị và anh Đ có ba con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/05/1991; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 06/02/1998 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 14/12/2011. Các cháu Đ và Đ1 đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết, chị đề nghị Tòa án giao cháu V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, do chị đang phải đi chữa bệnh nên không đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Toà án giải quyết không công nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng, giao cháu V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ và chị N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Theo

kết quả xác minh ngày 30/06/2021, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lĩnh Toại, anh Đ và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N là không hợp pháp.

Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị N, do anh Đ và chị N không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đ và chị N là phù hợp với khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N thừa nhận vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/05/1991; Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 06/02/1998 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 14/12/2011. Các cháu Đ và Đ đều đã trưởng thành, anh Đ và chị N đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, chị N đề nghị giao cháu V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác cháu V cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ. Vì vậy, giao cháu V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Về hôn nhân: không công nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 14/12/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Đ.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009318 ngày 12/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam